

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY
MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Trần Lam Hạnh
Trường Đại học Gia Định

Tóm tắt: Bài viết phân tích ứng dụng công nghệ số trong đổi mới phương pháp giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tại các trường đại học. Thông qua phân tích, tổng hợp tài liệu và minh chứng từ cơ sở đào tạo, nghiên cứu làm rõ bốn vai trò, bốn kết quả và bốn hạn chế trong triển khai. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất sáu giải pháp: thiết kế học phần gắn với chuẩn đầu ra; phát triển học liệu số; bồi dưỡng giảng viên; hỗ trợ sinh viên; đổi mới đánh giá; bảo đảm hạ tầng và cải tiến thường xuyên. Nghiên cứu nhấn mạnh sự kết hợp giữa công nghệ với thiết kế sư phạm, bảo đảm tính chính xác của nội dung và đánh giá bằng minh chứng học tập.

Từ khóa: Công nghệ số; ứng dụng; phương pháp giảng dạy; môn tư tưởng Hồ Chí Minh.

APPLICATION OF DIGITAL TECHNOLOGY IN INNOVATING TEACHING
METHODS OF HO CHI MINH THOUGHT

Abstract: The article analyzes the application of digital technology in innovating teaching methods of Ho Chi Minh Thought at universities. Through analysis, synthesis of documents and evidence from training institutions, the study clarifies the four roles, four outcomes and four limitations in implementation. On that basis, the article proposes six solutions: module design associated with output standards; development of digital learning materials; fostering lecturers; student support; innovation of assessment; ensuring infrastructure and regular improvement. The study emphasizes the integration of technology with pedagogical design, ensuring the accuracy of content and evaluating by learning evidence.

Keywords: Digital technology; application; teaching methods; Ho Chi Minh Thought.

Nhận bài: 22/08/2026

Phản biện: 22/09/2026

Duyệt đăng: 25/09/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh chuyển đổi số, giáo dục đại học đứng trước yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. Đối với môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, đổi mới phương pháp có ý nghĩa quan trọng trong nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị, bồi dưỡng đạo đức và trách nhiệm xã hội của sinh viên. Đặc trưng lý luận gắn với lịch sử và thực tiễn của môn học đòi hỏi quá trình giảng dạy vừa bảo đảm tính khoa học, vừa tạo điều kiện để người học chủ động tìm hiểu, thảo luận và vận dụng kiến thức. Công nghệ số mở ra khả năng đa dạng hóa học liệu, tăng cường tương tác và tổ chức học tập linh hoạt. Việc sử dụng tư liệu đa phương tiện, nền tảng học tập trực tuyến, lớp học đảo ngược và sản phẩm số có thể hỗ trợ sinh viên tiếp cận nội dung môn học. Tuy nhiên, đưa tài liệu lên mạng hoặc sử dụng trình chiếu chưa đồng nghĩa với đổi mới phương pháp. Nếu thiếu thiết kế sư phạm phù hợp, công nghệ khó tạo chuyển biến trong chất lượng học tập. Bên cạnh đó, tính xác thực của tư liệu, năng lực số, điều kiện tiếp cận và cách đánh giá kết quả là những vấn đề cần được xem xét. Bài viết làm rõ vai trò của công nghệ số, phân tích thực trạng ứng dụng trong giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và đề xuất giải pháp triển khai. Qua đó, nghiên cứu hướng tới phát huy tính chủ động, nâng cao khả năng vận dụng kiến thức và bảo đảm tính chính xác của nội dung giảng dạy.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Vai trò của công nghệ số trong đổi mới phương pháp giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh

Theo Khoản 1, Điều 3, Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025, “Công nghệ số là tập hợp các phương pháp khoa học, quy trình công nghệ, công cụ kỹ thuật để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ, trao đổi thông tin, dữ liệu số và số hóa thế giới thực” (Quốc hội, 2025). Công nghệ số tạo điều kiện đổi mới phương pháp giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua việc mở rộng học liệu, tổ chức hoạt động học tập và hỗ trợ đánh giá. Giá trị của công nghệ phụ thuộc vào cách giảng viên kết nối công cụ với mục tiêu môn học, đặc điểm sinh viên và yêu cầu bảo đảm tính chính xác của nội dung. Có thể phân tích bốn vai trò cơ bản sau:

Tăng tính trực quan, hỗ trợ sinh viên hiểu nội dung tư tưởng trong bối cảnh lịch sử và thực tiễn. Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh có nhiều khái niệm, luận điểm đòi hỏi người học kết hợp tư duy khái quát với hiểu biết về hoàn cảnh hình thành và phát triển. Học liệu số như hình ảnh, phim tư liệu, bản đồ và dòng thời gian có thể giúp cụ thể hóa bối cảnh, làm rõ mối liên hệ giữa sự kiện với nội dung tư tưởng. Chẳng hạn, khi nghiên cứu quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, giảng viên có thể sử dụng dòng thời gian tương tác, gắn từng

giai đoạn với văn bản và câu hỏi phân tích. Sinh viên nhờ đó có điều kiện quan sát, so sánh và lý giải sự phát triển của nhận thức. Tuy nhiên, tính trực quan chỉ có ý nghĩa khi tư liệu được kiểm chứng, đặt đúng ngữ cảnh và đi kèm nhiệm vụ học tập. Việc sử dụng hình ảnh cần phục vụ phân tích, tránh khiến sinh viên chỉ ghi nhớ sự kiện mà chưa hiểu nội dung lý luận.

Phát huy tính chủ động, năng lực tự học và khả năng tiếp cận học liệu linh hoạt. Nền tảng học tập số cho phép giảng viên cung cấp tài liệu, câu hỏi định hướng và nhiệm vụ trước giờ học, giúp sinh viên chủ động chuẩn bị theo tiến độ phù hợp. Người học có thể đọc lại nội dung khó, ghi nhận thắc mắc và trao đổi trên diễn đàn. Đây là cơ sở để tổ chức lớp học đảo ngược, trong đó thời gian trực tiếp được dành nhiều hơn cho giải thích, thảo luận và vận dụng. Ví dụ, trước chủ đề tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, sinh viên được giao đọc đoạn trích có nguồn rõ ràng, xác định luận điểm và liên hệ một tình huống trong học tập. Hoạt động chuẩn bị tạo trách nhiệm cá nhân, đồng thời giúp giảng viên nhận diện mức độ hiểu ban đầu. Để phát huy vai trò này, học liệu cần được phân tầng, nhiệm vụ vừa sức và có phản hồi. Cung cấp nhiều tài liệu nhưng thiếu hướng dẫn có thể làm người học phân tán, khó xác định nội dung trọng tâm.

Tăng cường tương tác, phát triển khả năng lập luận và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Công nghệ số mở rộng không gian trao đổi thông qua diễn đàn, bảng cộng tác, phòng thảo luận trực tuyến và sản phẩm học tập nhóm. Những công cụ này tạo thêm cơ hội để sinh viên trình bày ý kiến, đặt câu hỏi và phản hồi quan điểm của bạn học. Khi tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về tinh thần trách nhiệm, giảng viên có thể giao tình huống liên quan đến thực hiện nhiệm vụ nhóm hoặc ứng xử trên mạng. Sinh viên cần lựa chọn luận điểm phù hợp, giải thích căn cứ và đề xuất cách hành động. Qua đó, kiến thức được chuyển thành công cụ phân tích vấn đề. Việc xây dựng video, podcast hoặc triển lãm số cũng tạo điều kiện kết hợp nghiên cứu tài liệu với diễn đạt sáng tạo. Tuy nhiên, giảng viên phải định hướng trao đổi dựa trên chứng cứ, phân biệt nội dung tư tưởng với liên hệ cá nhân. Chất lượng lập luận cần được ưu tiên hơn hình thức trình bày hoặc số lượt tương tác.

Hỗ trợ đổi mới kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh quá trình giảng dạy. Công cụ số giúp thu thập câu trả lời, sản phẩm và phản hồi tại nhiều thời điểm, tạo điều kiện nhận diện khó khăn của sinh viên.

Giảng viên có thể kết hợp câu hỏi ngắn, bài viết phân tích, hồ sơ học tập và phản bảo vệ để đánh giá kiến thức, lập luận và khả năng vận dụng. Kết quả kiểm tra nhanh giúp xác định luận điểm còn bị hiểu nhầm, từ đó điều chỉnh cách giải thích và nhiệm vụ tiếp theo. Phản hồi kịp thời cũng giúp sinh viên tự sửa sai. Tuy nhiên, số lần đăng nhập hoặc mức độ hài lòng không thể thay thế minh chứng về sự tiến bộ trong học tập.

2.2. Thực trạng ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học

Về kết quả đạt được

Ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tại các trường đại học đã được cụ thể hóa thông qua xây dựng học liệu điện tử, tổ chức học tập kết hợp, sử dụng công cụ tương tác và quản lý hoạt động học tập trực tuyến. Các nguồn công khai từ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội; Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum; Trường Đại học Hoa Sen và hệ thống MOOC của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp những minh chứng đáng chú ý. Trên cơ sở các trường hợp này, có thể phân tích bốn kết quả và bốn hạn chế, tồn tại; tuy nhiên, không nên xem đây là kết luận đại diện cho toàn bộ hệ thống giáo dục đại học.

Học liệu số đã được xây dựng theo hướng đa phương tiện, hỗ trợ việc tiếp cận và tự học của sinh viên. Theo thông tin công bố ngày 9/11/2025 của Khoa Khoa học Chính trị, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, bài giảng Tư tưởng Hồ Chí Minh được thiết kế với video, hình ảnh, âm thanh và nội dung trình chiếu, kết hợp hướng dẫn học tập, luyện tập và tự đánh giá. Điểm đáng chú ý là học liệu được tổ chức theo dụng ý sư phạm, giúp người học nhận diện nội dung trọng tâm và phương pháp tiếp cận. Về mặt giảng dạy, cách xây dựng này tạo điều kiện để sinh viên xem lại phần chưa hiểu, đối chiếu tư liệu và chuẩn bị câu hỏi trước giờ học. Với môn học có sự gắn kết giữa lý luận và lịch sử, việc kết hợp các dạng tư liệu còn hỗ trợ làm rõ bối cảnh hình thành tư tưởng. Tuy nhiên, kết quả được xác nhận ở đây chủ yếu là sự phát triển của học liệu và điều kiện học tập, chưa phải mức tăng năng lực đã được đo lường.

Công nghệ số đã được đưa vào kế hoạch học phần, tạo cơ sở tổ chức học tập kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp. Đề cương môn Tư tưởng Hồ

Chí Minh dành cho khóa K21 ngành Quản trị kinh doanh tại Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum quy định hoạt động tự học trên hệ thống E-learning trước khi lên lớp. Trong nội dung chương II, kế hoạch kết hợp bài giảng trực tuyến với trò chơi ô chữ, Kahoot, thảo luận và giải quyết vấn đề. Minh chứng này cho thấy công nghệ đã xuất hiện trong thiết kế chuỗi hoạt động học tập, có sự phân bổ nhiệm vụ giữa các không gian. Xét về phương pháp, chuẩn bị trước giúp sinh viên hình thành hiểu biết ban đầu, còn giờ học trực tiếp có thể dành cho giải thích và trao đổi sâu hơn. Sự liên kết ấy cũng tạo cơ sở để giảng viên giao trách nhiệm tự học rõ ràng. Dù vậy, đề cương phản ánh phương án tổ chức; mức độ thực hiện và hiệu quả cần được kiểm tra bằng dữ liệu lớp học.

Hoạt động trình bày, trao đổi và xây dựng sản phẩm học tập được hỗ trợ bằng công cụ số. Trang học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh trên hệ thống Mlearning cũ của Trường Đại học Hoa Sen công bố yêu cầu thuyết trình có hình ảnh, đoạn phim minh họa, sử dụng nguồn chính thống và gửi bài trước cho giảng viên. Trang này cũng yêu cầu các thành viên cùng tham gia trình bày. Đây là minh chứng về việc đưa sản phẩm đa phương tiện và trách nhiệm thành viên vào hoạt động học tập. Về mặt sư phạm, để thực hiện một bài trình bày có căn cứ, sinh viên phải tìm tài liệu, lựa chọn thông tin, tổ chức lập luận và diễn đạt trước người nghe. Công nghệ vì thế có thể hỗ trợ chuyển người học từ tiếp nhận sang tham gia xây dựng nội dung. Đồng thời, việc gửi sản phẩm trước tạo cơ hội kiểm tra và góp ý. Tuy nhiên, hình thức trình bày hấp dẫn chỉ có giá trị khi nội dung chính xác và sinh viên giải thích được lập luận của mình.

Việc công khai kế hoạch, nhiệm vụ và tiêu chí đánh giá trên nền tảng số đã tạo điều kiện quản lý học tập có hệ thống. Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh trên hệ thống MOOC của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trình bày kế hoạch sáu tuần, kết hợp đọc tài liệu, xem video, làm bài tập tương tác và thảo luận. Trang học phần còn công bố tiêu chí cho bài thu hoạch và đánh giá cuối kỳ. Cách tổ chức này giúp sinh viên nhận biết nhiệm vụ, sản phẩm và yêu cầu đánh giá ngay từ đầu. Về quản lý sư phạm, thông tin tập trung giúp giảm tình trạng hướng dẫn phân tán, đồng thời tạo cơ sở đối chiếu giữa nhiệm vụ được giao với kết quả nộp. Khi được sử dụng phù hợp, dữ liệu bài làm và câu hỏi trên diễn đàn có thể giúp giảng viên nhận diện nội dung cần giải thích thêm. Kết quả

nổi bật là sự minh bạch hóa quá trình học tập, còn tác động đến chất lượng cần được đánh giá riêng.

Về hạn chế, tồn tại

Mức độ chuyển đổi từ sử dụng công cụ sang đổi mới hoạt động nhận thức chưa thể được xác định đầy đủ. Các nguồn nêu trên cho thấy nhiều hình thức ứng dụng, nhưng mô tả về nền tảng, video hoặc nhiệm vụ chưa đủ để kết luận sinh viên đã học sâu hơn. Đây là khoảng cách giữa thiết kế và kết quả cần được nhận diện khi đánh giá thực trạng. Một bài giảng được đưa lên mạng vẫn có thể duy trì cách truyền đạt một chiều nếu người học chỉ xem và ghi nhớ. Tương tự, câu hỏi tương tác có thể tạo không khí sôi nổi nhưng chưa chắc đòi hỏi phân tích hoặc vận dụng. Vấn đề đặt ra là phải xem xét chất lượng nhiệm vụ: sinh viên có được giải thích, so sánh, lập luận và xử lý tình huống hay không. Vì vậy, sự hiện diện của công nghệ mới chỉ là điều kiện ban đầu; mức độ đổi mới phương pháp phải được xác định qua hoạt động thực tế của người học.

Áp lực tổ chức giảng dạy và yêu cầu về nguồn lực vẫn là trở ngại cần giải quyết. Báo cáo của Khoa Khoa học Chính trị, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đề cập số lượng lớp học phần lớn và tình trạng quá tải khối lượng giảng dạy. Từ thực tế này, có thể thấy việc ứng dụng công nghệ không tự động làm giảm toàn bộ công việc của giảng viên. Biên soạn học liệu, quản lý diễn đàn, nhận xét bài và hỗ trợ cá nhân đều cần thời gian. Nếu quy mô lớp lớn nhưng thiếu hỗ trợ, phản hồi có nguy cơ chậm hoặc mang tính chung chung. Mặt khác, quy định học trực tuyến tại Hoa Sen yêu cầu thiết bị và kết nối ổn định, cho thấy khả năng tham gia còn phụ thuộc điều kiện học tập. Đây là yêu cầu đầu vào cần khảo sát, chưa phải bằng chứng rằng sinh viên tại trường đang thiếu thiết bị.

Việc rà soát, chuẩn hóa và cập nhật học liệu số còn có điểm cần hoàn thiện. Một minh chứng cụ thể là trang học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh trên hệ thống Mlearning cũ của Hoa Sen có đoạn giới thiệu về môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam nằm trong nội dung trang. Sự không thống nhất này phản ánh lỗi biên tập tại trang được khảo sát, không nên suy rộng thành chất lượng giảng dạy hiện hành của trường. Tuy nhiên, nó cho thấy việc số hóa cần đi cùng kiểm soát phiên bản và rà soát nội dung. Khi học liệu được sao chép giữa các khóa học, thông tin cũ hoặc không phù hợp có thể tồn tại nếu thiếu người

chịu trách nhiệm cập nhật. Đối với môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, độ chính xác của trích dẫn, tên tác phẩm và bối cảnh lịch sử đặc biệt quan trọng. Sai lệch trong học liệu có thể khiến sinh viên hiểu nhầm hoặc tiếp tục sử dụng thông tin thiếu chính xác.

2.3. Giải pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong đổi mới phương pháp giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học hiện nay

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh cần hướng đến đổi mới hoạt động học tập, nâng cao khả năng hiểu, phân tích và vận dụng kiến thức của sinh viên. Công nghệ phải được lựa chọn trên cơ sở mục tiêu môn học, đặc điểm người học và điều kiện của cơ sở đào tạo. Để khắc phục tình trạng ứng dụng thiên về hình thức, thiếu liên kết giữa học liệu, hoạt động và đánh giá, cần thực hiện đồng bộ sáu giải pháp sau:

Một là, đổi mới thiết kế học phần theo hướng kết hợp công nghệ số với mục tiêu và chuẩn đầu ra. Bộ môn cần xác định rõ yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ, từ đó lựa chọn nội dung phù hợp để tổ chức trực tuyến hoặc trực tiếp. Những kiến thức nền tảng có thể được giới thiệu bằng học liệu số trước giờ học; nội dung phức tạp, cần giải thích và tranh luận nên dành thời gian trao đổi với giảng viên. Chẳng hạn, khi giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, sinh viên đọc tài liệu và trả lời câu hỏi định hướng trước, sau đó phân tích tình huống về trung thực trong học tập trên lớp. Kế hoạch học phần phải thể hiện nhiệm vụ, thời lượng, sản phẩm và hình thức phản hồi. Cách thiết kế này giúp công nghệ phục vụ quá trình nhận thức, đồng thời tránh tăng khối lượng học tập một cách cơ học hoặc lặp lại nội dung giữa hai môi trường.

Hai là, xây dựng hệ thống học liệu số có chất lượng, được thẩm định và cập nhật thường xuyên. Nhà trường cần tổ chức phát triển học liệu theo từng chủ đề, bao gồm bài giảng, đoạn trích tác phẩm, phim tư liệu, hình ảnh, dòng thời gian và câu hỏi vận dụng. Mỗi tài nguyên phải xác định rõ nguồn gốc, người biên soạn, thời điểm cập nhật và mục đích sử dụng. Đặc biệt, những trích dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh cần được đối chiếu với văn bản có xuất xứ rõ ràng, đặt trong bối cảnh phù hợp, tránh sử dụng thông tin lan truyền thiếu kiểm chứng. Bộ môn nên phân công trách nhiệm thẩm định nội dung và rà soát định kỳ, kịp thời sửa đường dẫn hỏng hoặc thông tin không thống nhất.

Học liệu cũng cần có dung lượng hợp lý, phụ đề hoặc bản văn bản để thuận tiện tiếp cận. Kho học liệu dùng chung giúp giảm công việc trùng lặp, nhưng vẫn cần cho phép giảng viên điều chỉnh nhiệm vụ theo đối tượng sinh viên.

Ba là, bồi dưỡng năng lực sư phạm số và bảo đảm điều kiện làm việc cho giảng viên. Nội dung bồi dưỡng cần vượt ra ngoài thao tác sử dụng phần mềm, tập trung vào thiết kế lớp học kết hợp, xây dựng câu hỏi, điều phối thảo luận và phản hồi trực tuyến. Giảng viên cần biết lựa chọn công cụ theo yêu cầu sư phạm, nhận diện khó khăn của người học và khai thác dữ liệu học tập một cách phù hợp. Có thể tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hình thức cùng thiết kế bài học, giảng thử và phân tích kết quả. Đối với trí tuệ nhân tạo, cần hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ chuẩn bị nhiệm vụ, đồng thời kiểm chứng nội dung trước khi đưa vào giảng dạy. Nhà trường nên ghi nhận công sức biên soạn học liệu, bố trí hỗ trợ kỹ thuật và cân đối khối lượng hướng dẫn. Đây là điều kiện để giảng viên duy trì chất lượng phản hồi khi quy mô lớp học lớn.

Bốn là, phát triển năng lực tự học, năng lực số và trách nhiệm học tập của sinh viên. Sinh viên cần được hướng dẫn cách truy cập nền tảng, tìm kiếm tài liệu, kiểm tra nguồn, trích dẫn và tổ chức thời gian học tập. Nhiệm vụ trực tuyến nên có yêu cầu rõ ràng, thời hạn phù hợp và mức độ khó tăng dần. Giảng viên có thể giao bài đọc kèm câu hỏi, yêu cầu viết nhận xét ngắn hoặc chuẩn bị một dẫn chứng để thảo luận. Với sản phẩm nhóm, cần phân công cụ thể và yêu cầu từng thành viên giải thích phần đóng góp, hạn chế việc chỉ một số sinh viên thực hiện. Đồng thời, phải hình thành thói quen sử dụng công cụ hỗ trợ minh bạch, không sao chép hoặc nộp nội dung mà bản thân chưa hiểu. Những sinh viên gặp khó khăn về kỹ năng hay điều kiện tiếp cận cần được hỗ trợ sớm, bảo đảm cơ hội tham gia thực chất.

Năm là, đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng kết hợp dữ liệu quá trình với minh chứng về năng lực. Giảng viên cần công khai tiêu chí đánh giá ngay từ đầu, xác định mức độ hiểu đúng, lập luận có căn cứ và khả năng liên hệ thực tiễn. Câu hỏi trắc nghiệm trực tuyến có thể hỗ trợ kiểm tra kiến thức nền, nhưng cần kết hợp bài viết phân tích, tình huống vận dụng, thuyết trình và bảo vệ cá nhân. Ví dụ, sinh viên phân tích một biểu hiện thiếu trách nhiệm trong đời sống học đường, lựa chọn nội dung tư tưởng phù hợp và đề xuất cách

xử lý. Điểm số phải phản ánh chất lượng nội dung, không phụ thuộc quá nhiều vào hình thức sản phẩm số. Dữ liệu truy cập chỉ là thông tin hỗ trợ; đánh giá sự tiến bộ cần dựa trên nhiệm vụ có độ khó tương đương trước và sau quá trình học.

Sáu là, bảo đảm hạ tầng, tăng cường phối hợp và duy trì cơ chế cải tiến. Nhà trường cần cung cấp nền tảng ổn định, thiết bị dùng chung, hỗ trợ kỹ thuật và phương án học liệu có thể tải về. Bộ môn phối hợp với thư viện, đơn vị công nghệ và cơ sở lưu giữ tư liệu để phát triển tài nguyên phù hợp. Sau mỗi học kỳ, cần tổng hợp kết quả học tập, phản hồi và khó khăn để điều chỉnh phương pháp. Hiệu quả được xem xét qua sự tiến bộ của sinh viên.

III. KẾT LUẬN

Ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo điều kiện đa dạng hóa học liệu, tăng cường tương tác, phát huy tính chủ động và khả năng vận dụng kiến thức của sinh viên. Tuy nhiên, hiệu quả không chỉ phụ thuộc vào công cụ mà còn gắn với thiết kế sư phạm, chất lượng nội dung và cách thức tổ chức học tập. Vì vậy, các trường đại học cần đồng bộ hóa thiết kế học phần, phát triển học liệu, bồi dưỡng giảng viên, hỗ trợ sinh viên, đổi mới đánh giá và bảo đảm hạ tầng. Quá trình triển khai phải giữ vững tính khoa học, chính xác của nội dung, kết hợp giáo dục lý luận với thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Quốc hội. (2025). Luật số 71/2025/QH15 ngày 14/6/2025, Luật Công nghiệp công nghệ số. Hà Nội.

Nguyễn Thị Thu Hoa. (2025). Tìm hiểu Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục lý luận chính trị và sự cần thiết của việc nâng cao ý thức chính trị cho sinh viên hiện nay. Tạp chí Tâm lý - Giáo dục, 31(4), 190-192.

Vũ, T. H. T., & Nguyễn, T. T. (2026). Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị ở các trường đại học trong bối cảnh hiện nay. Tạp Chí Giáo dục, 25(số đặc biệt 10), 218-223.